



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG BẢO HIỂM TRỌN VẸN CÂN BẰNG

Linh hoạt cân bằng bảo vệ & tích lũy trọn đời

Số tiền bảo hiểm **1.500.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **24.000.000 đồng/năm**

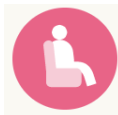
BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



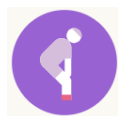
Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **375.000.000 đồng** khi mắc **ung thư nghiêm trọng**.



Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến **1.500.000.000 đồng** khi bị thương tật do tai nạn.



Nhận tối thiểu **1.500.000.000 đồng** khi Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Bệnh giai đoạn cuối hoặc tử vong.

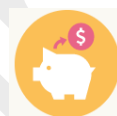


Nhận thêm **225.000.000 đồng** nếu tử vong không hút thuốc lá.

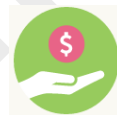


Nhận thêm **1.500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc **3.000.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt.

THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



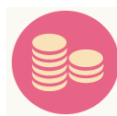
Có thể đầu tư thêm lên đến **120.000.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



Linh hoạt rút tiền cho các chi tiêu ngắn hạn
Linh hoạt đóng phí từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi.



Nhận **khoản thưởng hàng năm từ 12,5% - 15% phí bảo hiểm cơ bản quy năm** được đóng thêm vào Giá trị tài khoản cơ bản từ Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 5 trở đi.



Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Văn B	Nam	29	Văn Phòng

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm	Đơn vị: đồng
<i>Sản phẩm chính</i> Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản	Nguyễn Văn B	29	Nam	Văn Phòng	71	71	1.500.000.000	24.000.000	
<i>Sản phẩm bổ sung</i> ---Chưa tham gia bảo hiểm bổ sung---									

	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000
(ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ	-	-	-	-
(iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ	24.000.000	12.000.000	6.000.000	2.000.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 20
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Lưu ý:

- Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
- Tại từng định kỳ đóng phí bảo hiểm, sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính theo định kỳ, (ii) Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung theo định kỳ (nếu có), (iii) Phí đóng thêm của sản phẩm chính sẽ được tính là Phí đóng thêm nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính của Năm hợp đồng hiện hành và tất cả khoản phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có), được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó
- Thời hạn đóng phí của sản phẩm chính bằng thời hạn bảo hiểm. Trong 4 năm hợp đồng đầu tiên, hợp đồng sẽ được đảm bảo không mất hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm. Việc lựa chọn đóng một phần hoặc toàn bộ Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ có thể được thực hiện từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, tuy nhiên việc đóng một phần có thể dẫn đến rủi ro hợp đồng sẽ chấm dứt sớm. Khách hàng cần đóng phí đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của hợp đồng, nhận quyền lợi thưởng duy trì đóng phí và gia tăng giá trị tài khoản hợp đồng (GTTK).
- Sản phẩm bảo hiểm bổ sung (nếu có tham gia): Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của người được bảo hiểm, do đó phí bảo hiểm hàng năm cũng có thể thay đổi. Phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung cần được đóng đầy đủ. Nếu khách hàng không đóng đủ phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung thì phần phí này sẽ được rút từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm chính từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi để đóng phí. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để đóng phí bảo hiểm của sản phẩm bổ sung và khách hàng không đóng phí của sản phẩm bổ sung trong thời hạn gia hạn, sản phẩm bổ sung sẽ mất hiệu lực.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

I. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

QUYỀN LỢI	CHI TIẾT																
THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN																	
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu đóng thêm vào tài khoản của khách hàng như sau: <table border="1" data-bbox="631 427 1854 523"> <tr> <th>Năm hợp đồng</th> <td>1</td> <td>2</td> <td>3</td> <td>4</td> <td>5</td> <td>6 đến 10</td> <td>11+</td> </tr> <tr> <th>Lãi suất cam kết tối thiểu</th> <td>3,5%</td> <td>3,0%</td> <td>3,0%</td> <td>2,0%</td> <td>2,0%</td> <td>1,5%</td> <td>1,0%</td> </tr> </table> Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu. Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn. 	Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11+	Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%
Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6 đến 10	11+										
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,0%	2,0%	1,5%	1,0%										
Đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)	<ul style="list-style-type: none"> Nhận toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HĐBH còn hiệu lực và NDBH còn sống vào thời điểm đáo hạn. 																
Thưởng duy trì đóng phí (quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)	<ul style="list-style-type: none"> Một khoản thưởng duy trì đóng phí được phân bổ hàng năm vào Giá trị tài khoản cơ bản bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 trở đi như sau: <ol style="list-style-type: none"> 12,5% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 5 đến thứ 9. 15% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 trở đi. <p>Điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng chưa từng mất hiệu lực; Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm được đóng đầy đủ trước mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng tương ứng; và Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong Năm hợp đồng nhận thưởng. 																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 20
Phiên bản
Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)

Bệnh Ung thư	Nhận 375.000.000 đồng khi mắc Ung thư nghiêm trọng.
Thương tật bộ phận do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm phần trăm (%) Số tiền bảo hiểm tùy theo loại thương tật do tai nạn và tối đa lên đến 1.500.000.000 đồng .
Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Nhận 100% giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có) cộng với số tiền cao hơn giữa 1.500.000.000 đồng và giá trị tài khoản cơ bản
Không hút thuốc lá	Nhận thêm 225.000.000 đồng nếu vào thời điểm tử vong NĐBH từ 15 tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.
Tử vong do tai nạn trước khi đạt 65 tuổi hoặc từ ngày đạt 65 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp	Nhận thêm lên đến <ul style="list-style-type: none">1.500.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn; hoặc3.000.000.000 đồng nếu NĐBH tử vong do tai nạn trong các trường hợp đặc biệt được quy định chi tiết trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.

HẠN MỨC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Tổng quyền lợi bảo hiểm của tất cả các HĐBH với chúng tôi mà một NĐBH được hưởng, bao gồm các quyền lợi được hưởng theo sản phẩm này như sau:	<ul style="list-style-type: none">Quyền lợi liên quan đến Bệnh ung thư và Bệnh hiểm nghèo: tối đa là 10 tỷ đồng.Quyền lợi liên quan đến Tai nạn: tối đa là 10 tỷ đồng. Các hạn mức nêu trên có thể tăng lên tại thời điểm chi trả quyền lợi bảo hiểm.
---	--

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	
Thay đổi STBH	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm STBH kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi đạt 65 tuổi nếu đáp ứng các điều kiện thâm định và quy định của Công ty tại từng thời điểm
Thay đổi phí bảo hiểm	Có thể yêu cầu tăng hoặc giảm phí bảo hiểm cơ bản kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi nếu đáp ứng các điều kiện quy định của Công ty tại từng thời điểm.
Chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none">Kể từ ngày Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi, Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm từ Quyền lợi cơ bản sang Quyền lợi nâng cao, với điều kiện Tuổi của Người được bảo hiểm vào Ngày có hiệu lực của hợp đồng là dưới 18 tuổi, và chưa đạt 35 tuổi tại thời điểm yêu cầu chuyển đổi.Khách Hàng có quyền chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm duy nhất một lần trong suốt thời hạn hợp đồng.Việc chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi yêu cầu chuyển đổi quyền lợi bảo hiểm được Công Ty chấp thuận. Chi phí bảo hiểm rủi ro và các điều kiện khác sẽ được điều chỉnh tương ứng.
Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi)	Kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi và trước khi NĐBH đạt 65 tuổi khách hàng có thể yêu cầu tăng 25% STBH hiện tại cho mỗi sự kiện kết hôn hoặc sinh con hoặc nhận con nuôi mà không cần bằng chứng về sức khỏe và tài chính và tối đa 2 lần trong suốt thời hạn hợp đồng. Để được hưởng quyền lợi này, Người được bảo hiểm phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi) được quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
Rút tiền từ Giá trị tài khoản	<ul style="list-style-type: none">GTTK cơ bản: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 80% kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi.GTTK đóng thêm: có thể yêu cầu rút tiền tối đa đến 100% bất kỳ lúc nào.Số tiền rút mỗi lần không thấp hơn mức tối thiểu do Công Ty quy định tại từng thời điểm và được công bố tại trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



TÓM TẮT CÁC LOẠI CHI PHÍ

CÁC LOẠI CHI PHÍ	CHI TIẾT															
Chi phí bảo hiểm rủi ro	Là chi phí để AIA thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.															
Chi phí ban đầu	Là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí <table border="1"><thead><tr><th>Năm đóng phí</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4+</th></tr></thead><tbody><tr><td>Phí bảo hiểm cơ bản</td><td>85%</td><td>80%</td><td>35%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí đóng thêm</td><td colspan="4">0%</td></tr></tbody></table>	Năm đóng phí	1	2	3	4+	Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%	Phí đóng thêm	0%			
Năm đóng phí	1	2	3	4+												
Phí bảo hiểm cơ bản	85%	80%	35%	0%												
Phí đóng thêm	0%															
Chi phí quản lý hợp đồng (Chi phí QLHD)	Là khoản chi phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Mức chi phí này sẽ được tự động điều chỉnh tăng 10.000 đồng bắt đầu cho mỗi giai đoạn 5 năm, chi tiết: <table border="1"><thead><tr><th>Năm dương lịch</th><th>2021 - 2024</th><th>2025 - 2029</th><th>2030 - 2034</th><th>Từ năm 2035 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>30</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></tbody></table>	Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi	Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60					
Năm dương lịch	2021 - 2024	2025 - 2029	2030 - 2034	Từ năm 2035 trở đi												
Chi phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)	30	40	50	60												
Chi phí quản lý quỹ	Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.															
Chi phí hủy bỏ hợp đồng	Không có															
Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản	Không có															
<i>Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận</i>																

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	29	24.000			20.760	4.241	1.500.000				
2	30	24.000			19.560	4.210	1.500.000				
3	31	24.000			8.760	4.208	1.500.000		10.723		10.723
4	32	24.000			360	4.240	1.500.000		30.768		30.768
5	33	24.000			480	4.399	1.500.000	3.000	53.931		53.931
6	34	24.000			480	4.542	1.500.000	3.000	77.037		77.037
7	35	24.000			480	4.678	1.500.000	3.000	100.353		100.353
8	36	24.000			480	4.793	1.500.000	3.000	123.903		123.903
9	37	24.000			480	4.968	1.500.000	3.000	147.629		147.629
10	38	24.000			600	5.133	1.500.000	3.600	172.024		172.024
11	39	24.000			600	5.328	1.500.000	3.600	195.624		195.624
12	40	24.000			600	5.514	1.500.000	3.600	219.274		219.274
13	41	24.000			600	5.701	1.500.000	3.600	242.971		242.971
14	42	24.000			600	5.927	1.500.000	3.600	266.678		266.678
15	43	24.000			720	6.165	1.500.000	3.600	290.263		290.263
16	44	24.000			720	6.497	1.500.000	3.600	313.750		313.750
17	45	24.000			720	6.787	1.500.000	3.600	337.179		337.179
18	46	24.000			720	7.096	1.500.000	3.600	360.533		360.533
19	47	24.000			720	7.633	1.500.000	3.600	383.580		383.580

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 20

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
20	48	24.000			720	8.144	1.500.000	3.600	406.343		406.343
21	49	24.000			720	8.587	1.500.000	3.600	428.889		428.889
22	50	24.000			720	9.480	1.500.000	3.600	450.764		450.764
23	51	24.000			720	10.158	1.500.000	3.600	472.175		472.175
24	52	24.000			720	11.270	1.500.000	3.600	492.682		492.682
25	53	24.000			720	12.189	1.500.000	3.600	512.470		512.470
26	54	24.000			720	13.080	1.500.000	3.600	531.560		531.560
27	55	24.000			720	14.634	1.500.000	3.600	549.279		549.279
28	56	24.000			720	15.605	1.500.000	3.600	566.199		566.199
29	57	24.000			720	16.979	1.500.000	3.600	581.906		581.906
30	58	24.000			720	18.063	1.500.000	3.600	596.681		596.681
31	59	24.000			720	18.674	1.500.000	3.600	610.989		610.989
32	60	24.000			720	19.996	1.500.000	3.600	624.112		624.112
33	61	24.000			720	20.966	1.500.000	3.600	636.389		636.389
34	62	24.000			720	22.110	1.500.000	3.600	647.640		647.640
35	63	24.000			720	24.098	1.500.000	3.600	657.005		657.005
36	64	24.000			720	26.148	1.500.000	3.600	664.403		664.403
37	65	24.000			720	34.350	1.500.000	3.600	663.628		663.628
38	66	24.000			720	38.447	1.500.000	3.600	658.726		658.726

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
39	67	24.000			720	39.744	1.500.000	3.600	652.472		652.472
40	68	24.000			720	40.900	1.500.000	3.600	644.993		644.993
41	69	24.000			720	46.217	1.500.000	3.600	632.094		632.094
42	70	24.000			720	48.861	1.500.000	3.600	616.408		616.408
43	71	24.000			720	59.428	1.500.000	3.600	589.942		589.942
44	72	24.000			720	66.473	1.500.000	3.600	556.128		556.128
45	73	24.000			720	75.828	1.500.000	3.600	512.572		512.572
46	74	24.000			720	87.342	1.500.000	3.600	457.005		457.005
47	75	24.000			720	74.758	1.500.000	3.600	413.533		413.533
48	76	24.000			720	69.211	1.500.000	3.600	375.202		375.202
49	77	24.000			720	60.898	1.500.000	3.600	344.846		344.846
50	78	24.000			720	66.833	1.500.000	3.600	308.219		308.219
51	79	24.000			720	73.445	1.500.000	3.600	264.579		264.579
52	80	24.000			720	80.873	1.500.000	3.600	213.035		213.035
53	81	24.000			720	89.216	1.500.000	3.600	152.588		152.588
54	82	24.000			720	99.521	1.500.000	3.600	81.176		81.176
55	83	24.000			720	111.805	1.500.000	3.600	3.600		3.600
56	84								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	29	24.000			20.760	4.241	1.500.000				
2	30	24.000			19.560	4.210	1.500.000				
3	31	24.000			8.760	4.208	1.500.000		11.024		11.024
4	32	24.000			360	4.238	1.500.000		32.054		32.054
5	33	24.000			480	4.393	1.500.000	3.000	56.853		56.853
6	34	24.000			480	4.529	1.500.000	3.000	82.753		82.753
7	35	24.000			480	4.653	1.500.000	3.000	109.819		109.819
8	36	24.000			480	4.752	1.500.000	3.000	138.137		138.137
9	37	24.000			480	4.906	1.500.000	3.000	167.713		167.713
10	38	24.000			600	5.044	1.500.000	3.600	199.103		199.103
11	39	24.000			600	5.200	1.500.000	3.600	231.902		231.902
12	40	24.000			600	5.337	1.500.000	3.600	266.201		266.201
13	41	24.000			600	5.464	1.500.000	3.600	302.084		302.084
14	42	24.000			600	5.613	1.500.000	3.600	339.607		339.607
15	43	24.000			720	5.758	1.500.000	3.600	378.736		378.736
16	44	24.000			720	5.969	1.500.000	3.600	419.603		419.603
17	45	24.000			720	6.119	1.500.000	3.600	462.360		462.360
18	46	24.000			720	6.257	1.500.000	3.600	507.113		507.113
19	47	24.000			720	6.559	1.500.000	3.600	553.794		553.794
20	48	24.000			720	6.790	1.500.000	3.600	602.571		602.571

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	49	24.000			720	6.911	1.500.000	3.600	653.662		653.662
22	50	24.000			720	7.321	1.500.000	3.600	706.886		706.886
23	51	24.000			720	7.473	1.500.000	3.600	762.616		762.616
24	52	24.000			720	7.828	1.500.000	3.600	820.767		820.767
25	53	24.000			720	7.906	1.500.000	3.600	881.746		881.746
26	54	24.000			720	7.811	1.500.000	3.600	945.871		945.871
27	55	24.000			720	7.899	1.500.000	3.600	1.013.111		1.013.111
28	56	24.000			720	7.424	1.500.000	3.600	1.084.200		1.084.200
29	57	24.000			720	6.869	1.500.000	3.600	1.159.414		1.159.414
30	58	24.000			720	5.879	1.500.000	3.600	1.239.403		1.239.403
31	59	24.000			720	4.439	1.500.000	3.600	1.324.871		1.324.871
32	60	24.000			720	2.806	1.500.000	3.600	1.416.288		1.416.288
33	61	24.000			720	690	1.514.448	3.600	1.514.448		1.514.448
34	62	24.000			720		1.618.231	3.600	1.618.231		1.618.231
35	63	24.000			720		1.727.203	3.600	1.727.203		1.727.203
36	64	24.000			720		1.841.624	3.600	1.841.624		1.841.624
37	65	24.000			720		1.961.766	3.600	1.961.766		1.961.766
38	66	24.000			720		2.087.915	3.600	2.087.915		2.087.915
39	67	24.000			720		2.220.371	3.600	2.220.371		2.220.371
40	68	24.000			720		2.359.450	3.600	2.359.450		2.359.450

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	69	24.000			720		2.505.483	3.600	2.505.483		2.505.483
42	70	24.000			720		2.658.818	3.600	2.658.818		2.658.818
43	71	24.000			720		2.819.820	3.600	2.819.820		2.819.820
44	72	24.000			720		2.988.871	3.600	2.988.871		2.988.871
45	73	24.000			720		3.166.376	3.600	3.166.376		3.166.376
46	74	24.000			720		3.352.755	3.600	3.352.755		3.352.755
47	75	24.000			720		3.548.453	3.600	3.548.453		3.548.453
48	76	24.000			720		3.753.937	3.600	3.753.937		3.753.937
49	77	24.000			720		3.969.694	3.600	3.969.694		3.969.694
50	78	24.000			720		4.196.240	3.600	4.196.240		4.196.240
51	79	24.000			720		4.434.112	3.600	4.434.112		4.434.112
52	80	24.000			720		4.683.878	3.600	4.683.878		4.683.878
53	81	24.000			720		4.946.133	3.600	4.946.133		4.946.133
54	82	24.000			720		5.221.500	3.600	5.221.500		5.221.500
55	83	24.000			720		5.510.636	3.600	5.510.636		5.510.636
56	84	24.000			720		5.814.228	3.600	5.814.228		5.814.228
57	85	24.000			720		6.133.000	3.600	6.133.000		6.133.000
58	86	24.000			720		6.467.711	3.600	6.467.711		6.467.711
59	87	24.000			720		6.819.157	3.600	6.819.157		6.819.157
60	88	24.000			720		7.188.176	3.600	7.188.176		7.188.176

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 5%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	89	24.000			720		7.575.645	3.600	7.575.645		7.575.645
62	90	24.000			720		7.982.488	3.600	7.982.488		7.982.488
63	91	24.000			720		8.409.673	3.600	8.409.673		8.409.673
64	92	24.000			720		8.858.218	3.600	8.858.218		8.858.218
65	93	24.000			720		9.329.189	3.600	9.329.189		9.329.189
66	94	24.000			720		9.823.709	3.600	9.823.709		9.823.709
67	95	24.000			720		10.342.955	3.600	10.342.955		10.342.955
68	96	24.000			720		10.888.164	3.600	10.888.164		10.888.164
69	97	24.000			720		11.460.633	3.600	11.460.633		11.460.633
70	98	24.000			720		12.061.725	3.600	12.061.725		12.061.725
71	99	24.000			720		12.692.872	3.600	12.692.872		12.692.872
72	-								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
1	29	24.000			20.760	4.241	1.500.000				
2	30	24.000			19.560	4.210	1.500.000				
3	31	24.000			8.760	4.208	1.500.000		11.180		11.180
4	32	24.000			360	4.237	1.500.000		32.546		32.546
5	33	24.000			480	4.390	1.500.000	3.000	57.911		57.911
6	34	24.000			480	4.524	1.500.000	3.000	84.661		84.661
7	35	24.000			480	4.645	1.500.000	3.000	112.890		112.890
8	36	24.000			480	4.739	1.500.000	3.000	142.716		142.716
9	37	24.000			480	4.886	1.500.000	3.000	174.180		174.180
10	38	24.000			600	5.015	1.500.000	3.600	207.875		207.875
11	39	24.000			600	5.159	1.500.000	3.600	243.442		243.442
12	40	24.000			600	5.281	1.500.000	3.600	281.019		281.019
13	41	24.000			600	5.389	1.500.000	3.600	320.738		320.738
14	42	24.000			600	5.514	1.500.000	3.600	362.711		362.711
15	43	24.000			720	5.629	1.500.000	3.600	406.960		406.960
16	44	24.000			720	5.801	1.500.000	3.600	453.686		453.686
17	45	24.000			720	5.903	1.500.000	3.600	503.111		503.111
18	46	24.000			720	5.982	1.500.000	3.600	555.419		555.419
19	47	24.000			720	6.203	1.500.000	3.600	610.637		610.637
20	48	24.000			720	6.335	1.500.000	3.600	669.032		669.032

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Mã số đại lý:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 20

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
21	49	24.000			720	6.340	1.500.000	3.600	730.925		730.925
22	50	24.000			720	6.574	1.500.000	3.600	796.290		796.290
23	51	24.000			720	6.529	1.500.000	3.600	865.622		865.622
24	52	24.000			720	6.599	1.500.000	3.600	939.043		939.043
25	53	24.000			720	6.350	1.500.000	3.600	1.017.124		1.017.124
26	54	24.000			720	5.864	1.500.000	3.600	1.100.392		1.100.392
27	55	24.000			720	5.366	1.500.000	3.600	1.189.168		1.189.168
28	56	24.000			720	4.293	1.500.000	3.600	1.284.378		1.284.378
29	57	24.000			720	2.929	1.500.000	3.600	1.386.707		1.386.707
30	58	24.000			720	1.042	1.500.000	3.600	1.497.122		1.497.122
31	59	24.000			720		1.615.246	3.600	1.615.246		1.615.246
32	60	24.000			720		1.740.458	3.600	1.740.458		1.740.458
33	61	24.000			720		1.873.182	3.600	1.873.182		1.873.182
34	62	24.000			720		2.013.870	3.600	2.013.870		2.013.870
35	63	24.000			720		2.162.999	3.600	2.162.999		2.162.999
36	64	24.000			720		2.321.076	3.600	2.321.076		2.321.076
37	65	24.000			720		2.488.637	3.600	2.488.637		2.488.637
38	66	24.000			720		2.666.252	3.600	2.666.252		2.666.252
39	67	24.000			720		2.854.524	3.600	2.854.524		2.854.524
40	68	24.000			720		3.054.092	3.600	3.054.092		3.054.092

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHD	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
41	69	24.000			720		3.265.634	3.600	3.265.634		3.265.634
42	70	24.000			720		3.489.869	3.600	3.489.869		3.489.869
43	71	24.000			720		3.727.558	3.600	3.727.558		3.727.558
44	72	24.000			720		3.979.509	3.600	3.979.509		3.979.509
45	73	24.000			720		4.246.576	3.600	4.246.576		4.246.576
46	74	24.000			720		4.529.667	3.600	4.529.667		4.529.667
47	75	24.000			720		4.829.744	3.600	4.829.744		4.829.744
48	76	24.000			720		5.147.826	3.600	5.147.826		5.147.826
49	77	24.000			720		5.484.992	3.600	5.484.992		5.484.992
50	78	24.000			720		5.842.388	3.600	5.842.388		5.842.388
51	79	24.000			720		6.221.228	3.600	6.221.228		6.221.228
52	80	24.000			720		6.622.799	3.600	6.622.799		6.622.799
53	81	24.000			720		7.048.464	3.600	7.048.464		7.048.464
54	82	24.000			720		7.499.668	3.600	7.499.668		7.499.668
55	83	24.000			720		7.977.945	3.600	7.977.945		7.977.945
56	84	24.000			720		8.484.919	3.600	8.484.919		8.484.919
57	85	24.000			720		9.022.310	3.600	9.022.310		9.022.310
58	86	24.000			720		9.591.946	3.600	9.591.946		9.591.946
59	87	24.000			720		10.195.759	3.600	10.195.759		10.195.759
60	88	24.000			720		10.835.802	3.600	10.835.802		10.835.802

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TRỌN VỌNG CÂN BẰNG

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí đóng thêm	Phí bảo hiểm của Sản phẩm bổ sung	Chi phí ban đầu và chi phí QLHĐ	Chi phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 6%				
							Quyền lợi TTTB&VV (trước 75 tuổi)/ Bệnh giai đoạn cuối/ Tử vong	Thưởng duy trì đóng phí	Giá trị tài khoản cơ bản của hợp đồng	Giá trị tài khoản đóng thêm của hợp đồng	Giá trị tài khoản của hợp đồng
61	89	24.000			720		11.514.247	3.600	11.514.247		11.514.247
62	90	24.000			720		12.233.398	3.600	12.233.398		12.233.398
63	91	24.000			720		12.995.699	3.600	12.995.699		12.995.699
64	92	24.000			720		13.803.738	3.600	13.803.738		13.803.738
65	93	24.000			720		14.660.259	3.600	14.660.259		14.660.259
66	94	24.000			720		15.568.171	3.600	15.568.171		15.568.171
67	95	24.000			720		16.530.558	3.600	16.530.558		16.530.558
68	96	24.000			720		17.550.689	3.600	17.550.689		17.550.689
69	97	24.000			720		18.632.027	3.600	18.632.027		18.632.027
70	98	24.000			720		19.778.245	3.600	19.778.245		19.778.245
71	99	24.000			720		20.993.237	3.600	20.993.237		20.993.237
72	-								(*)	(*)	(*)

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



Lưu ý chung:

1. Giá trị tài khoản đóng thêm, Giá trị tài khoản cơ bản và Khoản thưởng duy trì đóng phí được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. (*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.
3. Sản phẩm bổ sung nhằm gia tăng các quyền lợi bảo vệ. Phí bảo hiểm của các sản phẩm bổ sung sẽ không phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng.
4. Mức lãi suất minh họa thể hiện ở bảng trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính minh họa. Mức lãi suất thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và được công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn.
5. Chi phí bảo hiểm rủi ro được thể hiện trong bảng minh họa này dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe hoặc do tính chất nghề nghiệp. Chi phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty.
6. Quý khách cần phải đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của các khoản phí này đối với quyền lợi của mình.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Chi phí bảo hiểm thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Công ty và có thể làm thay đổi Giá trị tài khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ liên kết chung, lãi suất đóng thêm vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu trong những năm hợp đồng đầu tiên lần lượt là 3,5%/năm; 3,0%/năm; 3,0%/năm; 2,0%/năm; 2,0%/năm; từ năm 6 đến năm 10 là 1,5%/năm; và bằng 1,0%/năm từ năm hợp đồng thứ 11 trở đi. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.
- Tất cả các mức lãi suất thể hiện trong bảng minh họa là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chi mang tính tham khảo.
- Tham gia Hợp đồng **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** là một cam kết dài hạn. Quý khách không nên duy trì Hợp đồng chỉ trong thời gian ngắn hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi phí bảo hiểm cơ bản sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Phí của (các) sản phẩm bổ sung được minh họa trên đây có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm.
- Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Các quyền lợi được minh họa tại Bảng minh họa Hợp đồng bảo hiểm chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc theo việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo Hiểm Liên kết chung Trọn Vẹn Cân Bằng - Quyền lợi bảo hiểm cơ bản** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Mã số đại lý:

Ngày giờ lập:

Trang tham khảo minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 20

Phiên bản

Dãy số kiểm tra